

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠ HUOAI, TỈNH LÂM ĐỒNG**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; khoản 3 Điều 36; Điều 149; Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 114/2024/TLST-VHNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu:*

1. Bà **Đinh Thị T**, sinh năm 1986.

Nơi cư trú: **Thôn D, xã M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.**

2. Ông **Đàm Văn T1**, sinh năm 1977.

Nơi cư trú: **Thôn D, xã M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.**

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà **Đinh Thị T** (bà **T**) và ông **Đàm Văn T1** đăng ký kết hôn vào ngày 19/12/2007 tại **Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng**, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, nên quan hệ hôn nhân giữa bà **T** và ông **T1** là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại **Thôn D, xã M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng**, vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do không có tiếng nói chung, không hợp tính cách dẫn đến bất đồng trong quan điểm sống. Bà **T** và ông **T1** xác định không còn tình cảm với nhau và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét yêu cầu

công nhận thuận tình ly hôn của bà T và ông T1 là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức và không trái pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[2] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà T, ông T1 có 02 con chung là Đàm Thu N, sinh ngày 25/6/2018 và Đàm Đình Đức T2, sinh ngày 18/10/2008. Ly hôn bà T, ông T1 thỏa thuận bà T nhận quyền chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N đến khi cháu N đủ tuổi thành niên, còn ông T1 nhận quyền chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T2 đến khi cháu T2 đủ tuổi thành niên. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[3] Về tài sản chung: Bà T và ông T1 xác định có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà T và ông T1 xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Bà Đinh Thị T và ông Đàm Văn T1 cùng thỏa thuận chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007545 ngày 26/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng. Bà T và ông T1 đã nộp đủ.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành không có đương sự nào thay đổi về sự thỏa thuận đó.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đinh Thị T và ông Đàm Văn T1 thỏa thuận thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Giao cháu Đàm Thu N, sinh ngày 25/6/2018 cho bà Đinh Thị T chăm sóc và nuôi dưỡng đến khi cháu N đủ tuổi thành niên. Giao cháu Đàm Đình Đức T2, sinh ngày 18/10/2008 cho ông Đàm Văn T1 chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu T2 đủ tuổi thành niên. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

1.3. Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Đinh Thị T và ông Đàm Văn T1 (ông T1) cùng thỏa thuận chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007545 ngày 26/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng. Bà T và ông T1 đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án và tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKS tỉnh Lâm Đồng (01);
- VKSND huyện Đạ Huoai (02);
- Chi cục THADS huyện Đạ Huoai (02)
- UBND xã Đoàn Kết (01);
- Người yêu cầu (02);
- Lưu AV, hồ sơ việc dân sự (02).

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Hà Giang**